

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ – NGỤY Ở MIỀN NAM (1954-1965)

Các đoàn thể cách mạng của nông dân, thanh niên, phụ nữ... phát triển mạnh mẽ. ở các huyện, tỉnh, các đơn vị lực lượng vũ trang tập trung lần lượt ra đời. Các thôn, xã đều có dân quân, du kích. Hình thái lực lượng vũ trang ba thứ quân xuất hiện.

“Đồng khởi” 1959 – 1960 của nhân dân miền Nam là một đòn giáng mạnh và bất ngờ vào tập đoàn thống trị Mĩ – ngụy, làm cho chúng hết sức hoang mang, lo sợ. Hiện tượng rã ngũ, đào ngũ trong quân ngụy xuất hiện và phát triển. Mâu thuẫn giữa Mĩ và Diệm cũng như trong nội bộ chính quyền Diệm càng trở nên gay gắt, dẫn đến cuộc đảo chính mưu lật đổ Diệm – Nhu vào ngày 11-11-1960. Cuộc đảo chính thất bại, nhưng đẩy ngụy quyền miền Nam vào thời kì khủng hoảng triền miên. Chiến lược chiến tranh một phía, một hình thức thống trị điển hình của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mĩ, bị thất bại hoàn toàn. Đồng khởi 1959 – 1960 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Từ trong cao trào nổi dậy mạnh mẽ của nhân dân miền Nam, ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đại biểu các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, tôn giáo, các giới toàn miền Nam đã họp Đại

hội để thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các đảng phái, dân tộc, không phân biệt xu hướng chính trị, nhằm đánh đổ ách thống trị của bè lũ Mĩ – Diệm.

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng miền Nam, Mặt trận công bố Chương trình hành động gồm 10 điểm mà nội dung cơ bản là đánh đổ chế độ độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm, nhằm xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam chống ách thống trị thực dân kiểu mới của đế quốc Mĩ và tay sai. Sự ra đời của Mặt trận cùng với bản Chương trình hành động 10 điểm đã đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân miền Nam. Do đó chỉ trong thời gian ngắn sau khi thành lập, Mặt trận đã tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, trở thành một lực lượng chính trị ngày càng hùng hậu. Đây là một trong những nhân tố cơ bản góp phần quyết định thắng lợi của cách mạng trong những năm tiếp theo.

IV- Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất là kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961-1965)

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng

Bước vào năm 1960, tình hình thế giới và trong nước có nhiều chuyển biến quan trọng. Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu ngày càng vững mạnh, trở thành nhân tố quyết định đến sự phát triển của xã hội loài người. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa thuộc châu Á, châu Phi và Mĩ La - tinh phát triển mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời nhiều quốc gia độc lập...

Ở trong nước, sự nghiệp cách mạng trên cả hai miền Nam, Bắc đều có những bước tiến quan trọng. ở miền Bắc, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công – thương nghiệp tư bản tư doanh đã đạt được những thành tựu to lớn, làm thay đổi bộ mặt xã hội. Ở miền Nam, nhân dân ta cũng giành nhiều thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống Mĩ - Diệm, đặc biệt là phong trào đồng khởi 1959 - 1960, làm thay đổi thế chiến lược phong trào cách mạng.

Sự chuyển biến tình hình thế giới và trong nước đòi hỏi Đảng phải xác định đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng cho phù hợp.

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ Mĩ

của Đảng được triệu tập tại thủ đô Hà Nội. Tham dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức, 51 đại biểu dự khuyết thay mặt cho trên 50 vạn đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Lê Duẩn trình bày. Báo cáo chính trị vạch rõ: Từ ngày hoà bình lập lại, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới Miền Bắc bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: "Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới" . Báo cáo chính trị cũng khẳng định: Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước cũng như đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Nghị quyết Đại hội nêu lên đường lối chung của Đảng trong thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là: "Đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống phấn đấu anh dũng và lao động cần cù của nhân dân ta, đồng thời tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em do Liên Xô đứng

đầu, để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới. Muốn đạt mục tiêu ấy, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật; biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học tiên tiến".

Đối với cách mạng miền Nam, Đại hội chỉ rõ: "Trong sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước thực hiện thống nhất nước nhà, đồng bào ta ở miền Nam có nhiệm vụ trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng để giải phóng miền Nam. Cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào ta ở miền Nam còn có tác dụng ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm gây lại chiến

tranh, tích cực góp phần giữ gìn hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới".

Cách mạng ở hai miền thuộc hai chiến lược khác nhau, nhưng do trước mắt đều thực hiện một mục tiêu chung là đấu tranh thống nhất nước nhà, cho nên có quan hệ mật thiết với nhau và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Đại hội đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) . Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 45 uỷ viên chính thức và 28 uỷ viên dự khuyết, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất. Bộ Chính trị Trung ương Đảng gồm 11 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đại hội lần thứ III của Đảng là mốc quan trọng, đánh dấu một bước phát triển trong quá trình xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đường lối đấu tranh thống nhất nước nhà. Nghị quyết Đại hội là ánh sáng soi đường cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân hăng hái phấn đấu, quyết tâm giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

2- Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965)

Kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) nhằm mục tiêu phấn đấu xây dựng bước

đầu cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ của kế hoạch được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ Mĩ thông qua, bao gồm những nội dung cơ bản sau

đây:

Thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, phát triển công nghiệp nhẹ và giao thông vận tải, tăng cường thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã.

- Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân. Ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, về thực chất, là cuộc tấn công vào nghèo nàn và lạc hậu. Ngày 26-1-1961, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra nghị quyết về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, động viên toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Trên toàn miền Bắc, khắp các ngành, các cấp, các giới đều đẩy lên phong trào thi đua rất sôi nổi. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua "Học tập, đuổi kịp và vượt hợp tác xã nông nghiệp Đại Phong" . Trong công nghiệp có phong trào thi đua "Học tập Duyên Hải, thi đua với Duyên Hải" . Trong thủ công nghiệp có phong trào thi đua với "Thành Công" . Trong quân đội có phong trào thi đua "Ba nhất" 4. Trong giáo dục có phong trào thi đua "Hai tốt" . Ngoài ra, trong tất cả các ngành còn có phong trào thi đua phấn đấu đạt danh hiệu "Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa", "Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt"...

Nhờ có sự nỗ lực thi đua của toàn Đảng, toàn dân, đến cuối năm 1964, đầu năm 1965, dù kế hoạch 5 năm phải tạm dừng, nhưng miền Bắc vẫn đạt nhiều thành tựu to lớn . Với số vốn được Nhà nước đầu tư nhiều gấp ba lần so với thời kì khôi phục kinh tế (chiếm 61,2% tổng số chi ngân sách), cơ sở vật chất bước đầu được trang bị trong các ngành kinh tế. Nông nghiệp được coi là cơ sở để phát triển công nghiệp. Từ năm

1963 đến năm 1965, miền Bắc tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lí hợp tác xã, cải tiến kĩ thuật. Nhiều công trình thủy lợi được xây dựng, nhiều trạm bơm, hồ chứa nước được hoàn thành. Các nông trường quốc doanh, trại thí nghiệm cây trồng và chăn nuôi được đầu tư xây dựng và phát triển. Việc sử dụng cơ khí trong nông nghiệp tăng lên (số máy kéo năm 1965 tăng gấp 3,3 lần so với năm 1960).

Những biện pháp trên đã góp phần làm tăng sản lượng và năng suất lúa. Đến cuối năm 1965, toàn miền Bắc có 9 huyện và 125 hợp tác xã đạt hoặc vượt năng suất 5 tấn thóc trên một héc ta. Sản lượng lương thực đạt bình quân mỗi năm trong thời kì này khoảng 6 triệu tấn; do đó, về cơ bản, miền Bắc đã tự giải quyết được vấn đề lương thực ở trong nước. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp cũng được củng cố và hoàn thiện một bước. Tính đến năm 1965, toàn miền Bắc có 90,1% tổng số hộ nông dân tham gia hợp tác xã; 60,1% hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao. Các hợp tác xã nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Nhờ có hợp tác xã, nông thôn - một địa bàn chiến lược rộng lớn của căn cứ địa miền Bắc - mới được củng cố và phát triển, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần, động viên và tổ chức được hàng triệu thanh niên ra tiền tuyến, bảo đảm hậu phương quân đội, hậu phương chiến tranh ngày càng vững mạnh.

Công nghiệp được Nhà nước ưu tiên đầu tư khoảng 48% số vốn xây dựng cơ bản, trong đó đầu tư vào công nghiệp nặng lên tới gần 80%. Nhiều cơ sở công nghiệp nặng hình thành, đáng chú ý là Khu Liên hiệp gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí, Thủy điện Thác Bà, Phân đạm Hà Bắc, Supe phối phát Lâm Thao... Tính đến năm 1965, toàn miền Bắc có 1.132 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, trong đó có 205 xí nghiệp trung ương và 927 xí nghiệp địa phương. Công nghiệp quốc doanh chiếm 93,1 % tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc.

Công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp cũng phát triển nhanh chóng với gần 2.600 hợp tác xã chuyên nghiệp tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, cung cấp được khoảng 80% hàng tiêu dùng cho nhân dân. Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên phát triển nên nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường trong nước, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Quan hệ thương mại giữa miền Bắc nước ta với các nước trên thế giới cũng được mở rộng, từ 10 nước (trong đó có 7 nước xã hội chủ nghĩa) trong năm 1955, đến năm 1965, đã tăng lên 35 nước (trong đó có 12 nước xã hội chủ nghĩa).

Để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và tăng cường khả năng quốc

phòng, ngành Giao thông vận tải cũng được chú trọng đầu tư phát triển. Hệ thống đường sắt, đường bộ, đường thủy cầu cống được xây dựng, cải tạo nâng cấp.

Đời sống vật chất của nhân dân miền Bắc được nâng lên rõ rệt. Tính chung trong 5 năm (1961 - 1965), thu nhập quốc dân tăng bình quân 3,4%; riêng thu nhập của nông dân tăng 25%. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được quan tâm phát triển. Việc xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa được coi trọng. Nền giáo dục quốc dân phát triển nhanh chóng và toàn diện, cả về ngành học và số lượng học sinh, về xây dựng đội ngũ giáo viên cũng như về việc xoá nạn mù chữ, từng bước nâng cao trình độ học vấn cho các tầng lớp nhân dân.

Những năm 1961 - 1965 đánh dấu bước phát triển khá nhanh chóng của ngành Giáo dục phổ thông. Từ 7.066 trường học, với 1.899.000 học sinh trong năm học 1960 - 1961, đã tăng lên 10.294 trường học, với 2.676.000 học sinh trong năm 1964 - 1965. Giáo dục đại học cũng phát triển nhanh với ba loại hình đào tạo (chính quy, chuyên tu và tại chức). Trong năm học 1960 - 1961, miền bắc có 10 trường đại học, với 1.260 giáo viên và 16.690 sinh viên; đến năm học 1965 - 1966 đã có 21 trường, với 3.590 giáo viên và 34.208 sinh viên. Hệ thống các trường

trung học chuyên nghiệp được mở rộng. Đến năm 1965, miền Bắc có 154 trường, với 3.159 giáo viên và 60.018 học sinh. Mạng lưới y tế gồm hệ thống các bệnh viện, trạm xá... được xây dựng rộng khắp: 70% số huyện có bệnh viện, 90% số xã có trạm y tế. Số bác sĩ từ 409 người trong năm 1960, đã tăng lên 1.525 người trong năm 1965.

Trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, đế quốc Mỹ và tay sai luôn luôn tìm cách phá hoại, vấn đề củng cố và bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa miền Bắc trở thành một trong những nhiệm vụ hàng đầu. Hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố và kiện toàn. Tháng 10-1962, Quốc hội (khoá III thông qua Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp. Ngày 26-4-1964, cử tri miền Bắc tham gia bầu cử Quốc hội (khoá III): Hơn 50% đại biểu là những người trực tiếp sản xuất, anh hùng lao động, anh hùng quân đội và chiến sĩ thi đua được bầu vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng một bước thành quân đội chính quy và bước đầu được trang bị hiện đại, đủ sức bảo vệ miền Bắc và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc cách mạng giải phóng miền Nam. Lực lượng quân thường trực từ 170.000 người trong những năm 1961-1962, đã tăng lên gần 300.000 người trong năm 1964 do yêu cầu của cách mạng ở cả hai miền; không kể 160.000 công nhân viên quốc phòng và

21.000 người trong lực lượng công an vũ trang. Những thành tựu đạt được trong 10 năm thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và nhất là trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) đã làm thay đổi hẳn bộ mặt xã hội miền Bắc. Tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (3- 1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới" . Tiềm lực mọi mặt của xã hội miền Bắc được tăng cường; sự nhất trí về chính trị tinh thần ngày càng được phát huy cao độ trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Đây chính là những nhân tố hết sức quan trọng, giúp cho miền Bắc không những có đủ sức mạnh để đánh thắng chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, mà còn làm tròn vai trò hậu phương lớn đối với miền Nam cũng như đối với nghĩa vụ quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 -1965), chúng ta đã phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm do tư tưởng giáo điều, chủ quan, nóng vội gây nên. Đó là sự vận dụng thiếu chọn lọc mô hình, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước anh em; là việc đề ra phương châm tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; do đó, chúng ta đã đầu tư quá nhiều vốn, nhân công và kĩ thuật vào việc xây dựng công nghiệp nặng trong khi chưa có đủ điều kiện. Những

sai lầm này tiếp tục tồn tại trong nhiều năm sau.

Kế hoạch nhà nước 5 năm (1961 - 1965) đang thực hiện có kết quả thì đế quốc Mỹ gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân với mức độ ngày càng ác liệt đối với miền Bắc. Nhân dân miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với tình hình.

V- Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965)

1. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam

Kenơđi lên cầm quyền từ ngày 20-1-1961 trong tình hình thế giới có nhiều chuyển biến lớn. Đó là lúc hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc cũng như phong trào công nhân quốc tế có những bước phát triển có lợi cho lực lượng cách mạng. Chiến lược toàn cầu "Trả đũa ồ ạt" từ sau khi triển khai liên tiếp gặp thất bại: Năm 1954, Pháp - Mỹ thất bại ở Điện Biên

Phủ; năm 1958, chính phủ thân Mỹ ở bắc bị lật đổ; năm 1959, cách mạng Cu Ba thắng lợi; cuối năm 1959 đầu năm 1960, phong trào "đồng khởi" của nhân dân miền Nam bùng nổ và thắng lợi to lớn...

Tất cả tình hình trên buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi chiến lược toàn cầu. Về chính trị, Kennơđi đề ra "Chiến lược vì hoà bình" nhằm chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, chia rẽ mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với lực lượng xã hội chủ nghĩa và lực lượng độc lập dân tộc.

Về quân sự, Kennơđi chuyển sang chiến lược "Phản ứng linh hoạt", với ba loại hình chiến tranh tương ứng ba mức độ phản ứng: "Chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" và "chiến tranh tổng lực". Chiến tranh đặc biệt là loại hình chiến tranh đặc thù của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Mục đích của nó là chống lại chiến tranh du kích, chiến tranh giải phóng. Hình thức của nó là phối hợp đầy đủ các hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế và tâm lí. Ngày 8-5-1961, Tổng thống Kennơđi phê chuẩn chính sách đối với Việt Nam do Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ soạn thảo. Đến ngày 13-5-1961, bản thông cáo chung Giôn xơn - Diệm được kí kết, chính thức xác nhận những chủ trương, biện pháp đã được Kennơđi phê chuẩn, với nội dung cơ bản là: Tăng cường viện trợ kinh tế và lực lượng cố vấn quân sự cho miền Nam, phát triển ngụy quân, đẩy mạnh bình định chống du kích, ra sức phá hoại bằng biệt kích ở miền Bắc Việt Nam.